

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 19/02/2020
V/v Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

Bà Đặng Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2019/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2019/QĐXXPT-HNGĐ ngày 26/12/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐ-PT ngày 20/01/2020 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Phạm Quốc D, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 39, đường N, tổ 21, khu phố N, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

-Bị đơn: Bà Lý Hồng L, sinh năm 1993

Địa chỉ: Khu phố 2, phường P, thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

-Người kháng cáo: Ông Phạm Quốc D – là nguyên đơn

(Bà L và ông D có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Nguyên đơn ông Phạm Quốc D trình bày:** Ông và bà Lý Hồng L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 24/8/2015 tại phường P, thị xã H (nay là thành phố H). Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến, thường xuyên cự cãi nhau. Từ đó, tình cảm vợ chồng không còn, nên vợ chồng không chung sống với nhau từ tháng 01/2019 đến nay. Nay xét thấy không thể tiếp tục chung sống nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Lý Hồng L.

Về con chung: Ông và bà L có 01 người con chung tên Phạm Trâm A1, sinh ngày 13/12/2014, hiện đang sống cùng với bà L. Ông yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn bà Lý Hồng L trình bày:** Về quan hệ hôn nhân, con cái và tài sản chung, nợ chung bà L thừa nhận ông D trình bày là đúng. Tuy nhiên, về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do ông D thường xuyên uống rượu về cự cãi với bà. Mâu thuẫn phát sinh từ tháng 01/2019 ông D về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ đó đến nay, cả hai không ai quan tâm, thăm hỏi lẫn nhau. Xét thấy không còn tình cảm nên ông D yêu cầu ly hôn với bà, bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Cháu Phạm Trâm A1, giới tính nữ, sinh ngày 13/12/2014, hiện đang sống cùng với bà, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 10/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Quốc D và bà Lý Hồng L.

Về con chung: Giao con chung tên Phạm Trâm A1, sinh ngày 13/12/2014 cho bà lý Hồng L tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến của bà L không yêu cầu ông D cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Bà Lý Hồng L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Phạm Quốc D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

- Ngày 08 tháng 7 năm 2019, ông Phạm Quốc D nộp đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về việc giao con, ông D yêu cầu được nuôi con

chung. Vì hiện tại ông D có mức thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con. Riêng bà L mồ côi không có cha mẹ chỉ có hai chị em, em của bà L đang bị nhiễm HIV, trong khi con còn nhỏ có thể sẽ bị nhiễm bệnh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn ông Phạm Quốc D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: Yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung là cháu Trâm A1. Do hiện nay bà L đã có chồng khác, môi trường sống, điều kiện làm việc của bà L không đảm bảo cho việc chăm sóc con. Còn ông hiện chạy xe taxi có thể sắp xếp về trong ngày hoặc nhờ ông bà nội cháu là cha mẹ ông chăm sóc; cha mẹ ông hiện nay hơn 70 tuổi, nhà ở Kiên Lương, vẫn giúp ông chăm sóc được cháu Trâm A1. Hiện nay cháu đang về chơi với gia đình ông, hết dịch cúm Corona ông sẽ giao cháu về bà L.

- Bị đơn bà Lý Hồng L trình bày: Không đồng ý giao cháu Trâm A1 cho ông D trực tiếp nuôi dạy do công việc của ông D là tài xế taxi thuê, đi theo hợp đồng, không có thời gian ở gia đình để chăm sóc con; ông bà nội cháu đã già hơn 70 tuổi, nhà đông người. Nếu ông D nuôi thì cũng nhờ ông bà nuôi, còn bà mặc dù hiện nay có chồng khác nhưng không ảnh hưởng gì đến việc nuôi dạy cháu. Do công việc làm ở tiệm tóc của bà tết đông khách, về trễ nên để ông D đưa cháu về nội chơi từ trước tết đến nay không đưa cháu về với bà. Bà có yêu cầu đưa cháu về thì bị ông D thách thức. Em của bà có nhiễm HIV từ năm 3 tuổi, nay đã 22 tuổi. Trước đây ông D sống chung nhà nhưng không kỳ thị, bà xác định không ảnh hưởng lây nhiễm.

-Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm, chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do cần giữ ổn định cho cháu Trâm A1, hiện tại cháu Anh do bà L trực tiếp nuôi dưỡng vẫn phát triển bình thường về thể chất tinh thần. Lý do ông D trình bày tại phiên tòa về việc bà L có chồng khác và em của bà L bị nhiễm HIV không ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của cháu Trâm A1. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung, nợ chung: Các bên không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên phần này của Bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Xét kháng cáo của nguyên đơn Phạm Quốc D yêu cầu được nuôi cháu Phạm Trâm A1, giới tính nữ sinh ngày 13/12/2014. Lý do bà L mồ côi cha mẹ, chỉ có hai chị em, hiện em của bà L đang bị nhiễm HIV, cháu Trâm A1 còn nhỏ có thể sẽ nhiễm bệnh. Ông D có thu nhập ổn định, đủ khả năng kinh tế để nuôi dưỡng cháu Trâm A1. Tại phiên tòa phúc thẩm bà L cũng xác nhận điều kiện hoàn cảnh hiện tại của bà như ông D trình bày. Về điều kiện kinh tế, hiện bà có thu nhập ổn định từ 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng, cháu Trâm A1 sống với mẹ từ nhỏ, cuộc sống và sinh hoạt của cháu đều tốt. Hiện ông D đang lái xe thuê cho bà Châu Thị Đài Trang thời gian không ổn định, do tính chất công việc là tài xế nên không chủ động được thời gian, hiện ông sinh sống tại H nhưng không có chỗ ở ổn định, nên chưa đảm bảo điều kiện chăm sóc con.

Xét thấy tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã phân tích điều kiện thực tế của mỗi bên, giải thích quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng con sau ly hôn của các bên theo quy định Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nhưng hai bên không thỏa thuận được. Xét điều kiện hoàn cảnh sống của bà L và ông D thì bà L có điều kiện thời gian chăm sóc cháu Trâm A1 nhiều hơn ông D. Hơn nữa, cháu Trâm A1 là nữ, từ nhỏ đến nay đều do mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, về điều kiện sinh sống, học hành, tâm lý của cháu phát triển bình thường như những đứa trẻ khác ở địa phương. Lý do ông D trình bày tại phiên tòa chưa phù hợp thực tế và quy định pháp luật về điều kiện phát triển của trẻ. Do vậy để cần giữ ổn định cho sự phát triển về tinh thần và thể chất của cháu Trâm A1, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất theo đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận kháng cáo của ông D. Giữ nguyên bản án sơ thẩm; tiếp tục giao cháu Trâm A1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; Nếu sau này bà L không đủ điều kiện nuôi cháu thì ông D có quyền xin thay đổi nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: án phí sơ thẩm giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

Án phí phúc thẩm ông D phải chịu 300.000 đồng do kháng cáo không được chấp nhận, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông D đã nộp theo biên lai thu của cơ quan Thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 53 ; Điều 81 ; Điều 82 ; Điều 83 ; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ; khoản 6 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của ông Phạm Quốc D.

- Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 10/2019/HNGĐ-ST ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang

Xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm Quốc D và bà Lý Hồng L.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Trâm A1, sinh ngày 13/12/2014, giới tính nữ, cho bà Lý Hồng L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Trâm A1 đủ 18 tuổi. Ghi nhận ý kiến của bà L không yêu cầu ông D cấp dưỡng chi phí nuôi con chung.

Ông Phạm Quốc D có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí:

Án phí sơ thẩm : Ông Phạm Quốc D phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008866 ngày 13/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

Án phí phúc thẩm : Ông Phạm Quốc D phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004734 ngày 09/07/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND TP. H;
- Chi cục THADS TP. H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Hương